

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 173/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2024

V/v: “Ly hôn
tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

+ Ông Nguyễn Văn Tươi

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Đình Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại Hội trường TAND thị xã Điện Bàn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13/6/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 23/7/2024 giữa:

1/Nguyên đơn: Bà Trương Thanh H – Sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: 84 BT1, phường HTĐ, Quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

2/Bị đơn: Ông Trần Quốc H - Sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã ĐT, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trương Thanh H trình bày: Bà Trương Thanh H và ông Trần Quốc H kết hôn vào ngày 25/12/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HTĐ, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, không còn tin tưởng, tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên xảy ra bạo lực gia đình. Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà H đã 2 lần khởi kiện yêu cầu ly hôn ông H, nhưng được Tòa án hoà giải, động viên vợ chồng về đoàn tụ chung sống nên bà H đã rút đơn khởi kiện, tuy nhiên sau 2 lần rút đơn vợ chồng vẫn không sống chung mà sống ly thân hơn 2 năm nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà H cương quyết yêu cầu ly hôn ông H.

Về con chung: có 01 con chung Trần Nguyên K - Sinh ngày 25/10/2021

Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Quốc H trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau trong cuộc sống, nhưng những mâu thuẫn đó không trầm trọng, đôi lúc nóng giận thì bà H lại gửi đơn ly hôn, tuy nhiên vì công việc làm ăn nên vợ chồng không chung sống với nhau hơn 2 năm nay. Ông H vẫn còn tình cảm với bà H, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ chung sống để cùng nhau nuôi dạy con trưởng thành nên ông H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung Trần Nguyên Kh - Sinh ngày 25/10/2021

Nếu Tòa án xử cho ly hôn thì ông H đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tóm tắt ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết và xét xử vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho bà H được ly hôn ông H, giao con Trần Nguyên Kh cho bà H nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ, ông H có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung đối với ông H, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông H cư trú tại xã ĐT, thị xã Điện Bàn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H kết hôn vào ngày 25/12/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HTĐ, quận Cẩm Lệ, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau, không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, vợ chồng không còn chung sống hơn 2 năm nay. Bà H đã 2 lần khởi kiện ly hôn ông H, sau đó Toà án hoà giải, động viên vợ chồng về đoàn tụ chung sống, bà H đã rút đơn ly hôn, nhưng sau khi rút đơn vợ chồng vẫn không sống chung với nhau nên bà H tiếp tục yêu cầu ly hôn, tuy nhiên ông H không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp này xét thấy vợ chồng bà H không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không chung sống với nhau hơn 2 năm nay, mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu ly hôn của bà H có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận cho bà H được ly hôn ông H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Nguyên Kh - Sinh ngày 25/10/2021. Bà H yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng), yêu cầu của bà H được ông H đồng ý, sự thoả thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, nội dung thoả thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ. Sau khi ly hôn, ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung các đương sự khai không có nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Luật phí và Lệ phí, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 147 BLTTDS thì bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và ông H phải chịu 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thanh H đối với ông Trần Quốc H về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương Thanh H và ông Trần Quốc H.

2/Về quan hệ con chung: Có 01 con chung

Giao con Trần Nguyên Kh - Sinh ngày 25/10/2021 cho bà Trương Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng (*Trần Nguyên Kh hiện nay đang sống cùng bà Trương Thanh H*).

Ông Trần Quốc H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện định kỳ hằng tháng là: 5.000.000đ (năm triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024 đến khi Trần Nguyên Kh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, ông Trần Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/Về án phí: Bà Trương Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nH được khấu trừ vào số tiền ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014567 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Trương Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Quốc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- UBND phường Hòa Thọ Đông;
- THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Nhung

